

Số: 0256.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 11 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 1610.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu
Địa điểm lấy mẫu : Hợp tác xã nông nghiệp Lợi An - Tại hộ: Nguyễn Văn Tùng. Địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 18/11/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 13-GCT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 18/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 - 25/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 34,6°C và 34,5°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 34,3°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cổ định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	9,80	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	5,2	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,90	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,35	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	485	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,006	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD= 0,01mgN/l	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,96	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	80,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	104,94	≤ 300

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	0,004	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,12	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	8,38	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,69	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	85,0	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	160	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	24	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	52	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu độ đục, hàm lượng sắt, Coliforms, E.coli và Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0256.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 1611.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu
Địa điểm lấy mẫu : Hợp tác xã nông nghiệp Lợi An - Tại hộ: Lê Văn Rốp. Địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 18/11/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 14-GCT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 18/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 - 25/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 34,6°C và 34,5°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 34,3°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,9	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,91	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,26	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	460	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,006	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD= 0,01mgN/l	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	80,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	104,94,	≤ 300

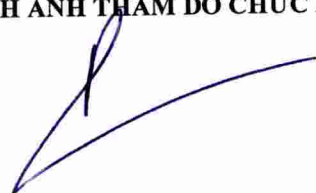
13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,12	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	7,63	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,65	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	78,9	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	128	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	16	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	98	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu Coliforms, E. Coli và Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THÂM ĐỘ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÒNG GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0256.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 11 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 1612.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu
Địa điểm lấy mẫu : Hợp tác xã nông nghiệp Lợi An - Tại hộ: Nguyễn Thị Lan. Địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 18/11/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 15-GCT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 18/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 - 25/11/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 34,6°C và 34,5°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 34,3°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cổ định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	9,80	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	1,8	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,92	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,26	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	430	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,006	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD= 0,01mgN/l	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	92,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	104,94	≤ 300

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,11	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	8,0	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,64	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	79,9	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	110	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	13	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	79	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu Coliforms, E. Coli và Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG**

Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Quỳnh Diệu